TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 137/2026/DS-PT
Ngày 21/5/2026
V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản: Yêu cầu chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép và ra khỏi nhà

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công và bà Võ Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:*** Bà Nguyễn Thị Kim Cúc – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản: Yêu cầu chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép và ra khỏi nhà".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T, địa chỉ: Tổ A, phường D, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trung H: Bà Nguyễn Bảo T, địa chỉ: Tổ A, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Văn C, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngô Đức N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G, địa chỉ: Số B đường L, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Út C1 và bà Nguyễn Thị Út E, địa chỉ: G P, phường P, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Kim Ngọc Á, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đak Nông (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ú Chị: Bà Trần Hải L, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, địa chỉ: Tầng F, số nhà B Đ, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn H1, địa chỉ: A P, tổ F, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T trình bày

Vợ chồng ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Bảo T là chủ sở hữu hợp pháp căn nhà số G đường P, (phường H, thành phố P cũ), phường P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số DQ 097719, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN 02909 cấp cho ông Nguyễn H1 ngày 10/12/2024, đã chỉnh lý sang cho vợ chồng ông H, bà T vào ngày 27/12/2024.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Út C1, Nguyễn Thị Út E chiếm giữ nhà để ở, sinh sống không giao nhà cho bà T, ông H sử dụng. Ông H, bà T đưa chứng cứ để chứng minh nhà và đất mà bà Út C1, Út E đang ở là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, yêu cầu ra khỏi nhà, nhưng nhiều lần yêu cầu mà họ không thực hiện. Hành vi của hai bà Nguyễn Thị Út C1, Nguyễn Thị Út E đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về nhà ở và quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông H, bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bà Nguyễn Thị Út C1, Nguyễn Thị Út E chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép và ra khỏi căn nhà số G gắn liền với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số DQ 097719, ngày 10/12/2024 tại địa chỉ số G đường P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để ông H, bà T sử dụng.

1.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1 và bà Nguyễn Thị Út E trình bày

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Bảo T căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DQ 097719 ngày 10/12/2024 để khởi kiện đối với các bị đơn là không đúng. Bởi lẽ:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DQ 097719 ngày 10/12/2024 được cấp cho ông Nguyễn H1 theo Bản án dân sự phúc thẩm số 37/2024/DS-PT của TAND tỉnh Gia Lai, nhưng Bản án này đang bị các đương sự trong vụ án là ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn đề nghị Chánh án TAND Tối cao Kháng nghị để xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Đang có khiếu nại về việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố P ban hành Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DQ 097719 ngày 10/12/2024 cho ông Nguyễn H1 là trái pháp luật.

- Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cấp cho ông Nguyễn H1 số DQ 097719 để yêu cầu bị đơn trả nhà số G P là không có căn cứ, vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp trái luật, đang bị khiếu nại.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông Nguyễn H1 trình bày

Theo Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật số 37/2024/DS-PT ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, ông là chủ sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại số nhà G đường P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai) đã được cấp`Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số DQ 097719 ngày 10/12/2024.

Cuối năm 2024, ông H1 đã chuyển nhượng nhà, đất nêu trên cho hai vợ chồng nguyên đơn là ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Bảo T và đã bàn giao nhà, đất cho họ. Thủ tục chuyển nhượng được thực hiện đúng pháp luật, vợ chồng ông H, bà T là người hữu hợp pháp căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số DQ 097719.

Ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết đúng luật định, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người chủ sở hữu nhà đất.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 164, Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Út C1, bà Nguyễn Thị Út E phải chấm dứt hành vi cản trở, chiếm giữ trái pháp luật và rời khỏi căn nhà số G đường P gắn liền với thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6 có diện tích đất 57,6m2 tại phường H, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng số DQ 097719 ngày 10/12/2024 cấp cho ông Nguyễn H1, được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Bảo T ngày 27/12/2024 để giao cho ông H, bà T sở hữu, sử dụng.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Út C1, bà Nguyễn Thị Út E, mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 001300 ngày 12/3/2025 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Gia Lai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo

Tại đơn kháng cáo ghi ngày 30/10/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai; tại đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung ghi ngày 11/11/2025, bà Nguyễn Thị Út C1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật, tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ pháp luật nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết khiếu nại tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và đợi kết quả giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm đối với vụ án chia thừa kế trước đó. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xem xét việc bị đơn đã nhiều tuổi và không có chỗ ở.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Đảm bảo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1 và bà Nguyễn Thị Út E chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép và ra khỏi căn nhà số G gắn liền với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số DQ 097719, ngày 10/12/2024 tại địa chỉ số G đường P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1, thấy rằng:

[2.1] Tại bản án dân sự phúc thẩm số 37/2024/DS-PT ngày 02/4/2024 của TAND tỉnh Gia Lai (đã có hiệu lực pháp luật) quyết định: "*Giao cho ông Nguyễn H1 được quyền sử dụng 57,6m^2 đất (phía Đông có kích thước 7,21m + 5,44m; phía Tây có kích thước 9,46m; phía Nam giáp đường P có kích thước 5,33m; phía Bắc có kích thước 2,40m + 3,50m + 2,70m) và quyền sở hữu nhà ở 1 tầng xây đã, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, trần tôn thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 817050 tại G P, tổ G, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.*".

Dựa trên bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn H1 đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DQ 097719 ngày 10/12/2024 đối với thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6, diện tích 57,6m^2 tại G P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tại văn bản số 550/CNVPĐKĐĐ-CGCN ngày 03/3/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh thành phố P về việc kiểm tra, giải quyết Đơn của bà Đặng Thị Ngọc B1, tại phường P, Tp P xác định việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn H1 là đúng theo quy định của pháp luật (bút lục số 44).

Như vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn H1 là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6.

[2.2] Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn H1 đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T và ngày 27/12/2024 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh thành phố P đã xác nhận tại mục "IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận" về việc chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Bảo T theo hồ sơ số 002782.Q17.002 (bút lục số 96)

Khoản 1 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

"*Điều 27. Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất*

1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.".

Như vậy, việc H1 chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6 và tài sản gắn liền với thửa đất cho ông H và bà T là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2.3] Ông H1 và ông H, bà T thừa nhận có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

Dựa trên hợp đồng chuyển nhượng, ông Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh thành phố P đã xác nhận về việc ông Nguyễn H1 chuyển nhượng cho ông H và bà T quyền sử dụng thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6.

Điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Đất đai năm 2024, quy định:

"*Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân sử dụng đất*

1. Cá nhân sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao trong hạn mức; đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; đất nhận chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho, nhận thừa kế thì có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyền và nghĩa vụ chung quy định tại Điều 26 và Điều 31 của Luật này;".

Điều 169 của Bộ luật Dân sự quy định:

"*Điều 169. Quyền yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản*

Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm.".

Như vậy, có căn cứ xác định ông H và bà T là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6, được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình. Việc bị đơn cho rằng bản án phúc thẩm đã có đơn đề nghị Chánh án TAND tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, đồng thời khiếu nại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn H1 là trái pháp luật để làm căn cứ cho việc chiếm hữu căn nhà và thửa đất số 590, tờ bản đồ

số 6 của ông H và bà T là không có căn cứ, việc chiếm hữu tài sản của bị đơn là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật theo khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1.

[3] Về án phí

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 308, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 164, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 79/2025/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Bảo T và bị đơn bà Nguyễn Thị Út C1, bà Nguyễn Thị Út E về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản: Yêu cầu chấm dứt hành vi chiếm giữ trái phép và ra khỏi nhà".

Tuyên xử:

3. Buộc bà Nguyễn Thị Út C1 và bà Nguyễn Thị Út E chấm dứt hành vi cản trở, chiếm giữ trái pháp luật và rời khỏi căn nhà tại số G đường P, phường P, tỉnh Gia Lai, gắn liền với thửa đất số 590, tờ bản đồ số 6 có diện tích đất 57,6m^2, tại G P, phường H, thành phố P (nay là G P, phường P, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DQ 097719 ngày 10/12/2024 cấp cho ông Nguyễn H1, được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Bảo T ngày 27/12/2024 để giao cho ông H, bà T sở hữu, sử dụng.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Út C1, bà Nguyễn Thị Út E, mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Bảo T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001300 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Gia Lai).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm

Bà Nguyễn Thị Út C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004976 ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hà